CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP VICEM Bao bì Bút Sơn

Ngày 31/12/2025	12,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**10.3%**	**-**

DT thuần
Q4/25
109
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.0| -10.9%
YoY: ▲ 1.00| 0.6%

LN thuần
Q4/25
2.79
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.51| 22.2%
YoY: ▲ 0.95| 51.4%

LN sau thuế
Q4/25
2.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.40| 21.6%
YoY: ▲ 0.77| 51.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3.5%
YoY: +/-▼ 0.9%

ROE
2025
6.6%
YoY: +/-▲ 0.8%

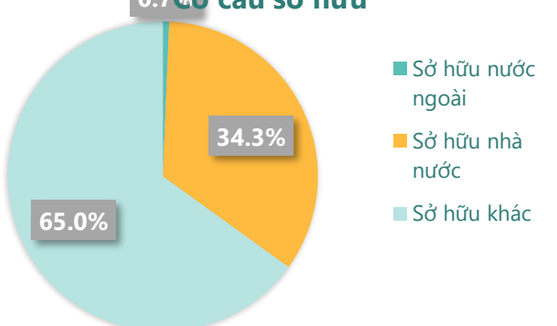
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,542 - 20,581
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77
Số lượng CPLH (CP)	6,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.19
EPS	1,184
P/E	10.9

DT thuần
2025
450
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 94.0| 26.7%

LN thuần
2025
8.70
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.22| -2.5%

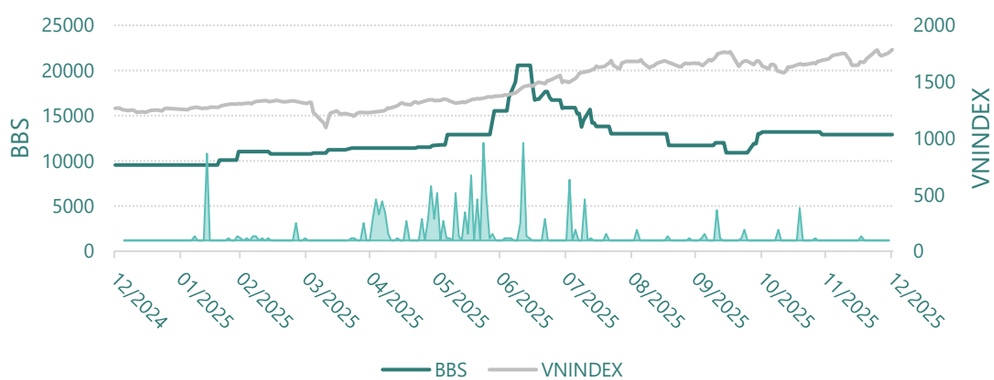
LN sau thuế
2025
7.11
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.92| 14.8%

Cơ cấu sở hữu

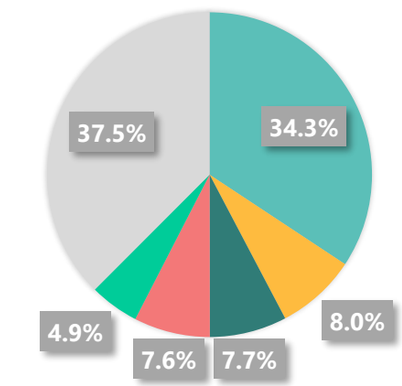


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



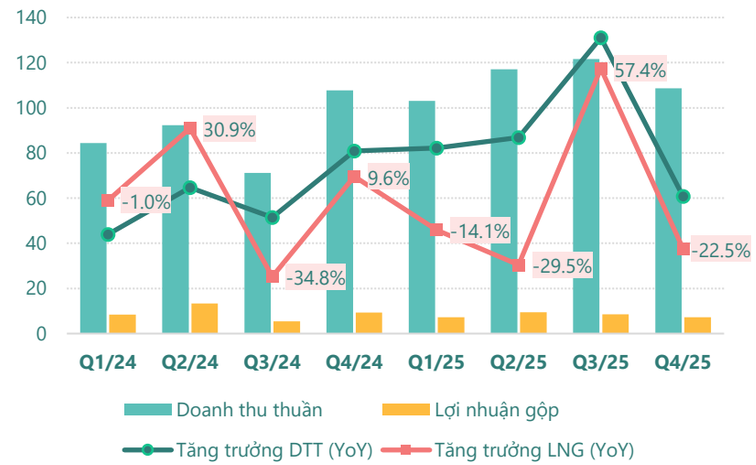
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

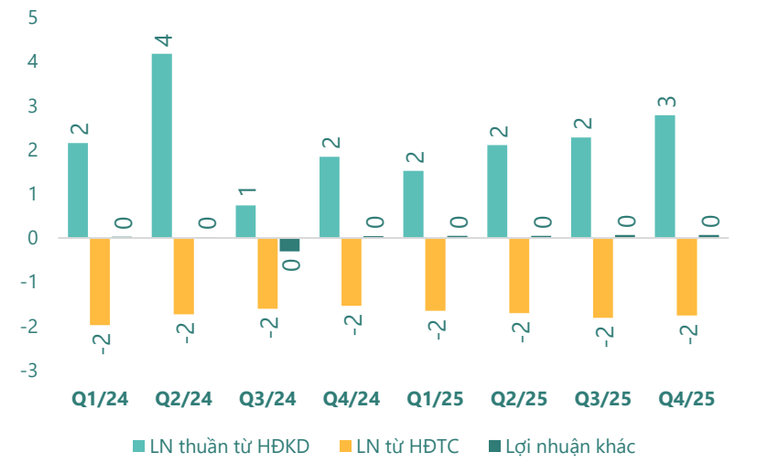
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



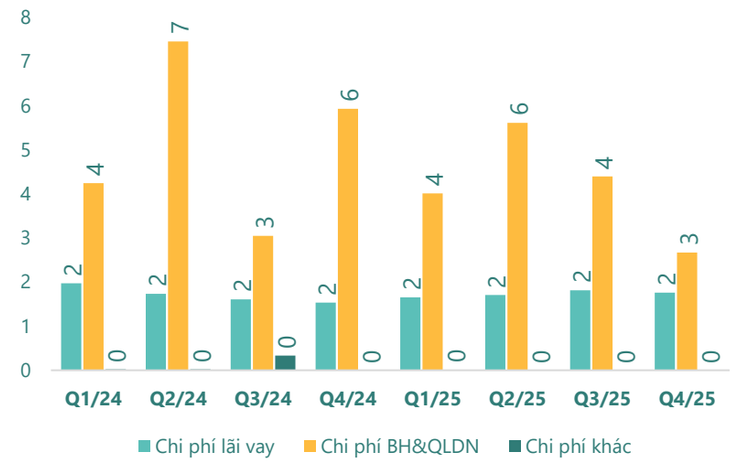
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



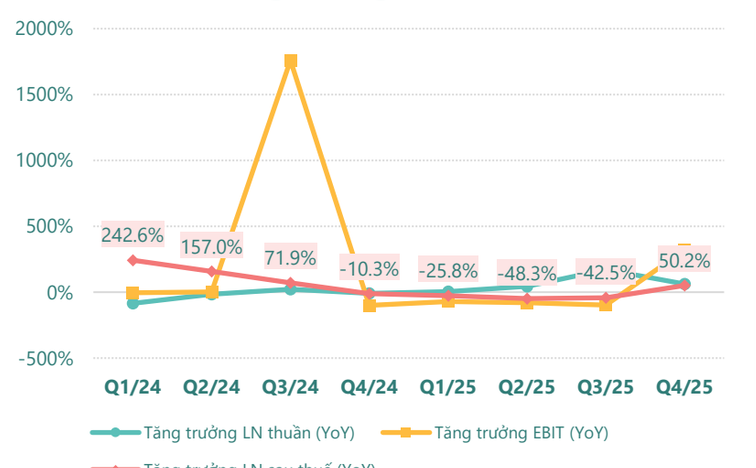
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



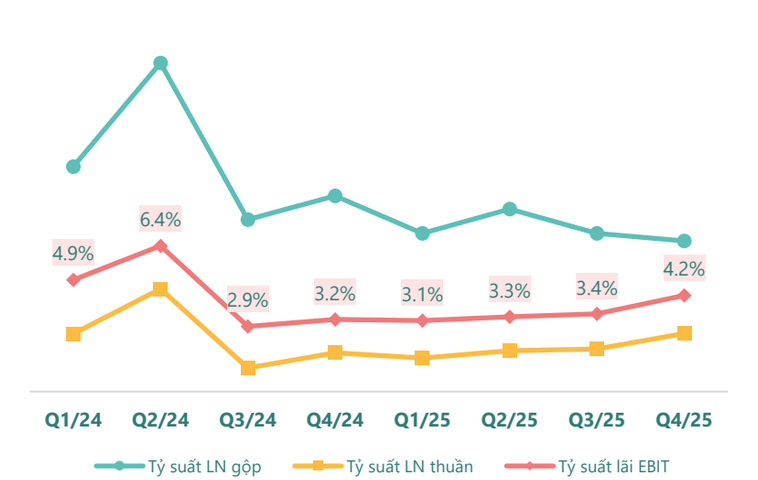
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



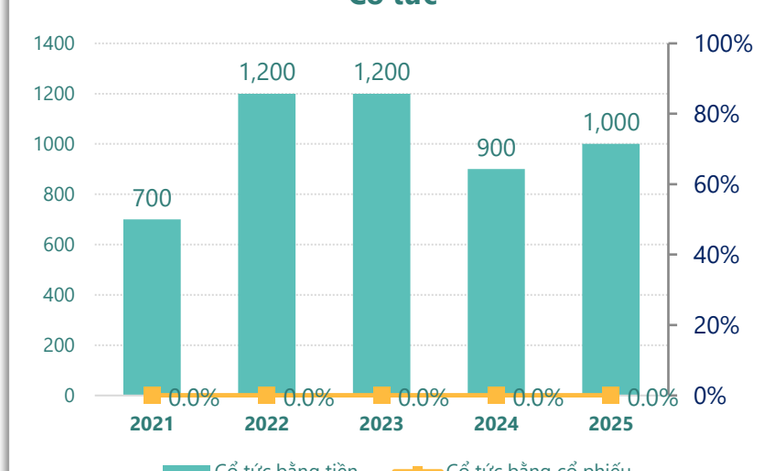
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

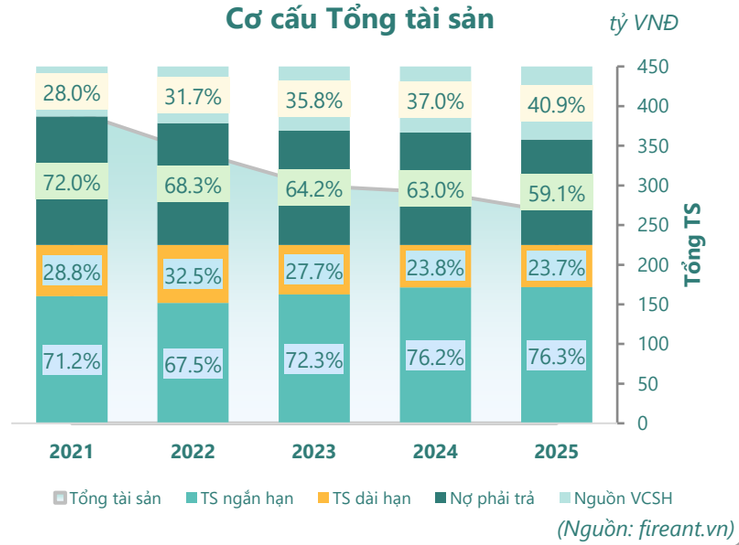
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

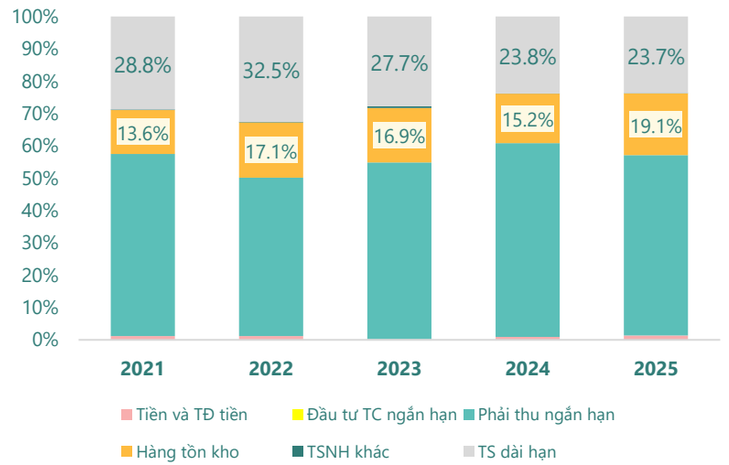
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



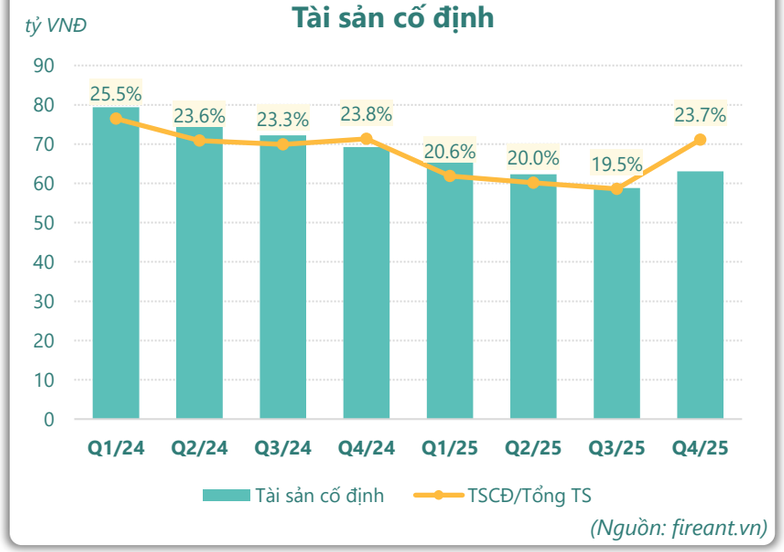
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



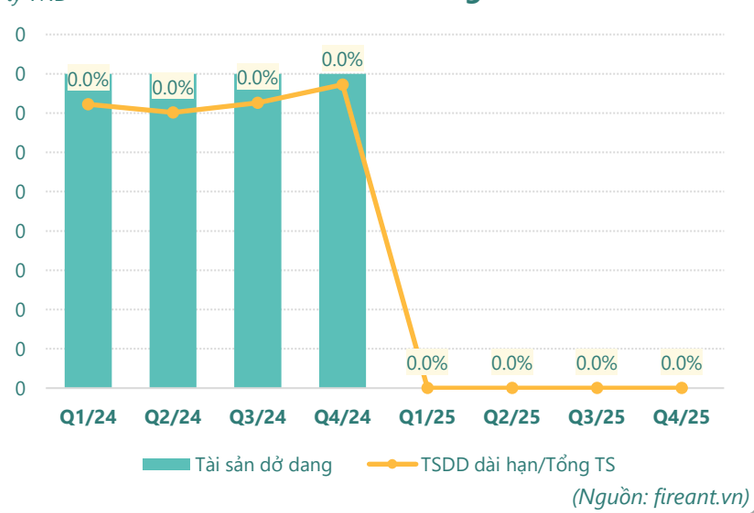
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



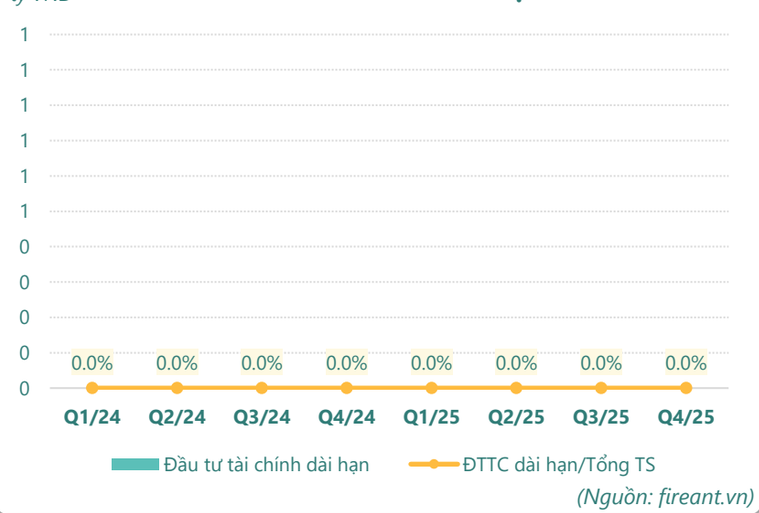
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



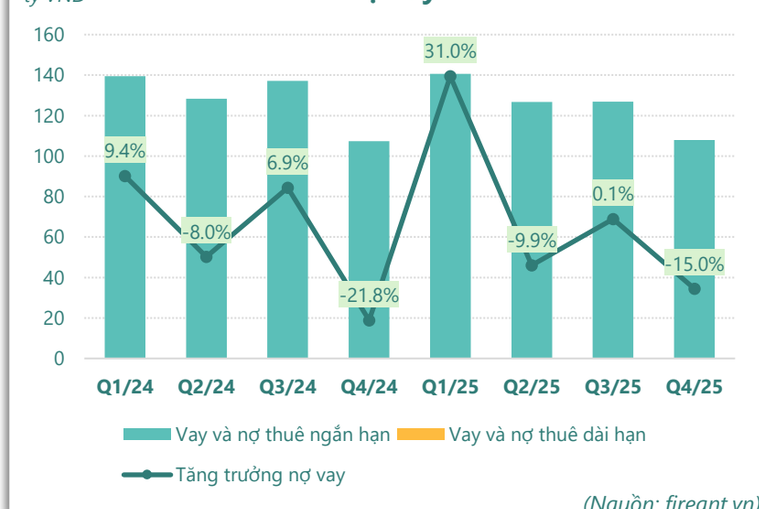
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

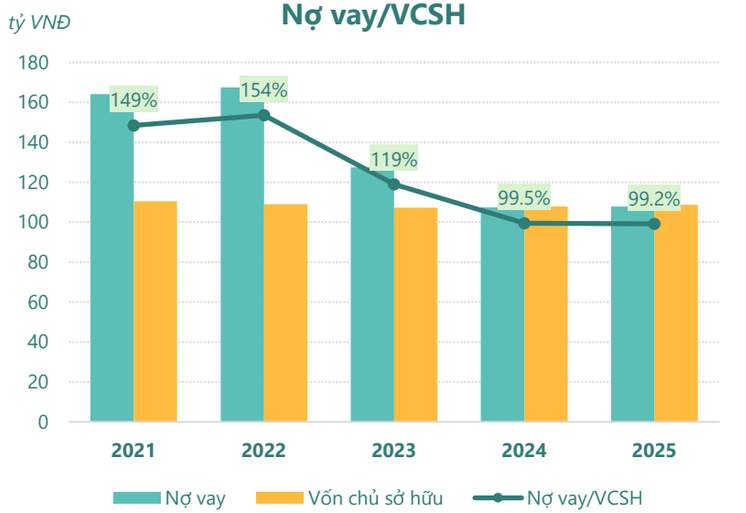
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

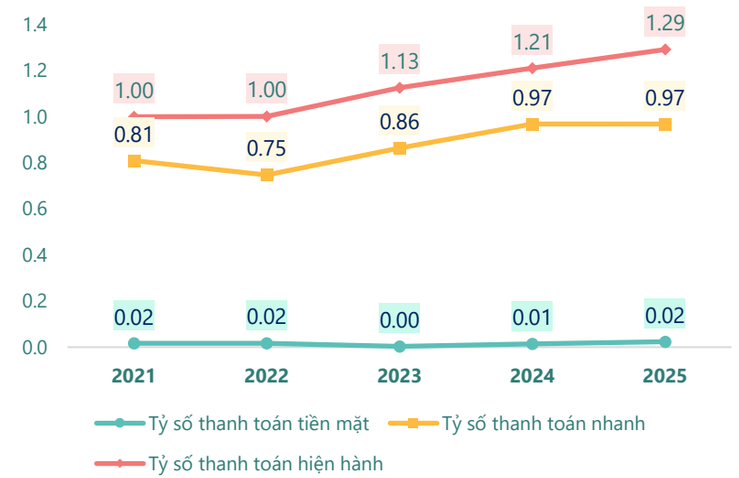
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



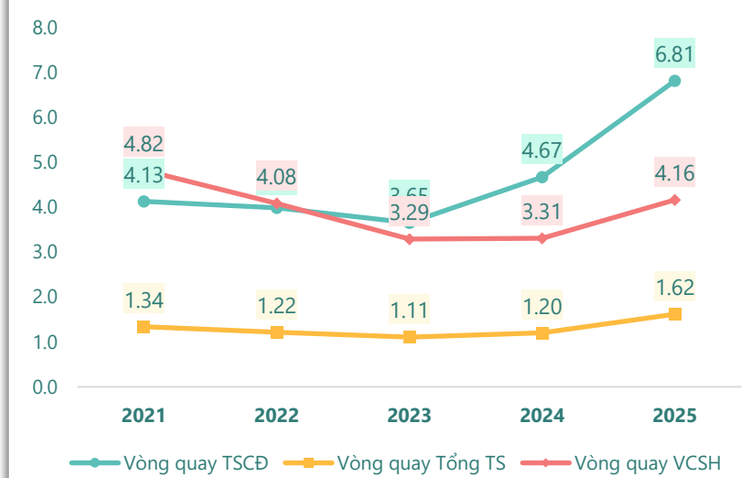
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



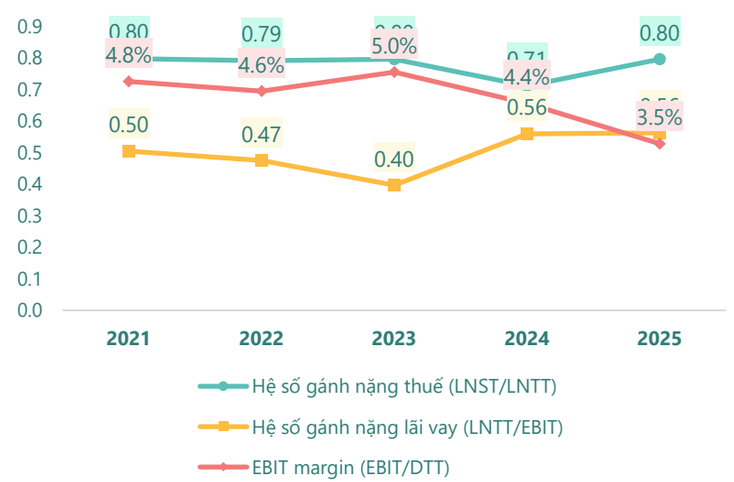
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



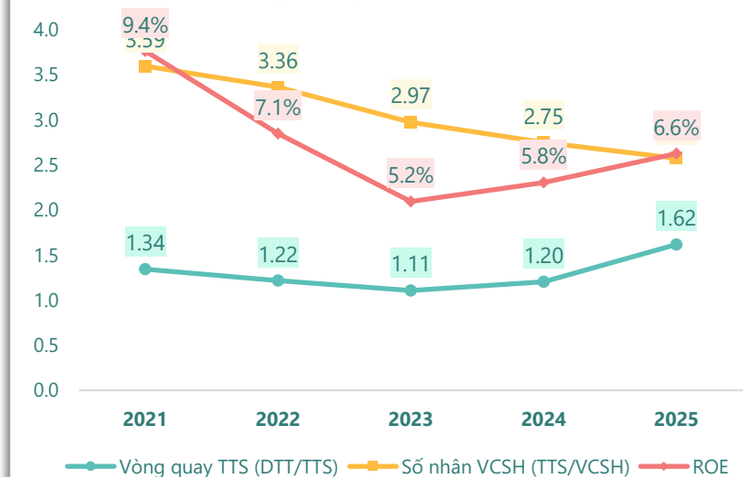
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



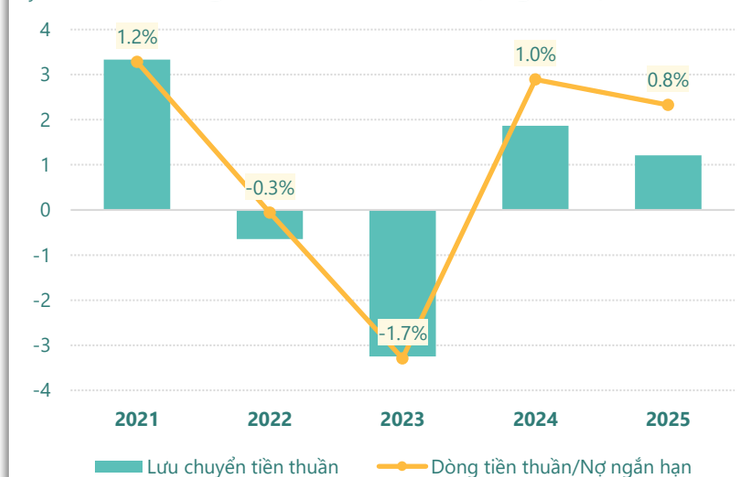
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**109**	**108**	**0.6%**	**450**	**356**	**26.7%**
Giá vốn hàng bán	101	98.5	3.0%	418	319	31.1%
Lợi nhuận gộp	7.22	9.31	-22.5%	32.3	36.4	-11.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	15.1%
Chi phí TC	1.76	1.54	14.3%	6.93	6.85	1.2%
Chi phí lãi vay	1.76	1.54	14.3%	6.93	6.85	1.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.68	1.28	31.4%	6.23	5.88	5.9%
Chi phí QLDN	**0.99**	**4.65**	**-78.7%**	**10.5**	**14.8**	**-29.2%**
LN thuần từ HĐKD	2.79	1.84	51.4%	8.70	8.92	-2.5%
Lợi nhuận khác	**0.07**	**0.04**	**69.4%**	**0.23**	**-0.22**	**206%**
LN trước thuế	2.85	1.88	51.8%	8.93	8.70	2.6%
Lợi nhuận sau thuế	**2.27**	**1.50**	**51.6%**	**7.11**	**6.19**	**14.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.27**	**1.50**	**51.6%**	**7.11**	**6.19**	**14.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.24	35.3	-24.5	8.26	6.56	24.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.58	0.00	-1.59	-2.49	-3.59
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6.33	-32.7	33.3	-13.9	-5.83	-19.0
Tiền đầu kỳ	1.42	0.51	2.50	11.3	4.02	2.26
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.91**	**2.00**	**8.75**	**-7.23**	**-1.76**	**1.45**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.51	2.50	11.3	4.02	2.26	3.71

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**266**	**291**	**-8.7%**
Tài sản ngắn hạn	203	222	-8.6%
Tiền và tương đương tiền	3.71	2.50	48.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	148	175	-15.2%
Hàng tồn kho	50.8	44.4	14.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.27	0.42	-36.0%
Tài sản dài hạn	**63.0**	**69.2**	**-9.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	63.0	69.2	-9.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	157	183	-14.4%
Nợ ngắn hạn	**157**	**183**	**-14.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	108	107	0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	32.7	53.9	-39.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**109**	**108**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**109**	**108**	**0.9%**
Vốn điều lệ	60.0	60.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)